

GIỮ [-1.6%]

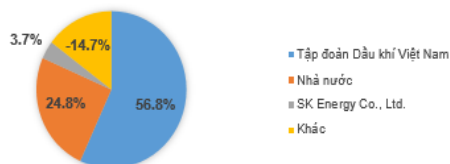
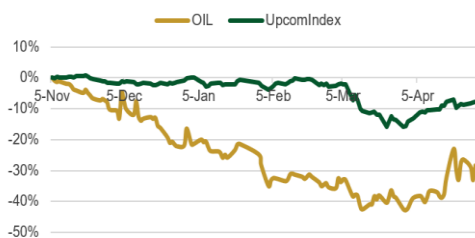
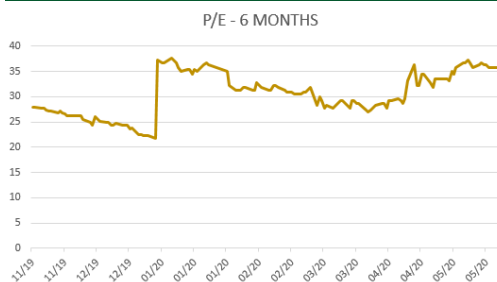
Ngày cập nhật: 28/05/2020

Giá mục tiêu	7,870	VND
Giá hiện tại	8,000	VND

PHS

 (+84-28) 5413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	1,088
Free-float (triệu)	1.088
Vốn hóa (tỷ đồng)	8,707
KLGD TB 3 tháng	813,079
Sở hữu nước ngoài	5.92%
Ngày niêm yết đầu tiên	07/03/2018

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: PHFM

Q1/2020 OIL LỖ 538 tỷ VND khi giá dầu giảm sâu do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Cập nhật kết quả kinh doanh: Quý 1/2020, doanh thu OIL đạt 17,686 tỷ VND (+4.4% YoY), tuy nhiên, giá dầu giảm mạnh làm giá vốn hàng bán tăng, COGS chiếm 99.6% doanh thu dẫn đến LNST của OIL ở mức âm -538 tỷ VND. Giá dầu giảm từ 60 USD cuối năm 2019 xuống còn 20 USD cuối Q1/2020, khiến hàng tồn kho của OIL giảm giá 434 tỷ VND, gấp 3.7 lần mức giảm giá của cùng kỳ năm trước.

Tình hình cung-cầu dầu 2020: Theo EIA, cung dầu trong tháng 5 ước tính giảm 12 triệu thùng /ngày (mb/d) (với mức giảm 9.7mb/d từ khối OPEC+ và 2.3 mb/d từ khối non-OPEC). OPEC và khối non-OPEC cam kết sẽ duy trì mức cắt giảm 8 mb/d và 2.3 mb/d đến cuối năm. Tuy nhiên, Q2/2020, nhu cầu dầu ước tính sẽ giảm 23.1 mb/d YoY khi nhu cầu đi lại gần như đình trệ dưới các biện pháp phong tỏa của chính phủ các quốc gia. EIA ước tính nhu cầu sẽ được phục hồi dần trong nửa cuối năm 2020 và tới tháng 12/2020, nhu cầu dầu vẫn sẽ giảm 2.7 mb/d so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo 2020: OIL đã đặt ra kế hoạch doanh thu năm 2020 là 52,200 tỷ VND (-34.6% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 376 tỷ VND (+8.9% YoY) ước tính dựa trên kịch bản giá dầu 60 USD/thùng với sản lượng xuất khẩu, bán dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất) đạt 8.89 triệu tấn (-20%YoY), sản xuất xăng dầu và dầu mỡ nhờn đạt 604,000 tấn (0% YoY), sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt 3 triệu tấn (-7.6% YoY).

Với dự phóng giá dầu đạt 30USD, chúng tôi ước tính giá bán xăng dầu trung bình đạt 13,800 VND/lít, tổng doanh thu ước tính giảm 20% so với kế hoạch đạt 41,600 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế đạt -23 tỷ VND do ảnh hưởng của khoản giảm giá hàng tồn kho năm 2019 ước tính đạt -815 tỷ VND (lượng hàng tồn kho đã nhập về cuối năm 2019 khi dầu thô ở mức giá trung bình 60USD/thùng).

Động lực tăng trưởng: Hiện Việt Nam có mức tiêu thụ xăng dầu đạt 0.26 tấn/người/năm, thấp hơn mức trung bình của khu vực Châu Á Thái Bình Dương (0.39 tấn/người/năm), bằng 0.27 lần mức tiêu thụ xăng dầu của Thái Lan (0.94 tấn/người/năm). Theo số liệu của BP (British Petroleum), trong giai đoạn 2009-2018, tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ xăng dầu của Việt Nam đạt 5.48%. Chúng tôi kỳ vọng mức tăng trưởng này sẽ được duy trì trong các năm tới.

OIL hiện chiếm 20% thị phần phân phối xăng dầu toàn quốc, với 26.4% sản lượng phân phối qua các cửa hàng xăng dầu trực thuộc, OIL có kế hoạch mở rộng mạng phân phối trực tiếp thông qua mở thêm cửa hàng, M&A để gia tăng biên lợi nhuận. Ngoài ra, OIL cũng nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1, mảng xăng máy bay với mức biên lợi nhuận cao (hiện mảng này chỉ do Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam Skypec và Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex phân phối).

Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi dự phóng năm 2020, doanh thu đạt 41,600 tỷ VND (-47.9% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt -23 tỷ VND trên kịch bản giá dầu 30 USD/thùng. Dựa trên phương pháp EV/EBITDA và P/B, ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu OIL năm 2020 là 7,870 VND/cổ phiếu, giảm 1.6% so với mức giá hiện tại. Từ đó đưa ra khuyến nghị GIỮ cho cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Covid-19 bùng phát mạnh mẽ và chưa được kiểm soát, tình hình biến động phức tạp; (2) Cạnh tranh từ các đối thủ trong ngành; (3) Biến động giá dầu; (4) Rủi ro chính sách; (5) Rủi ro tỷ giá.

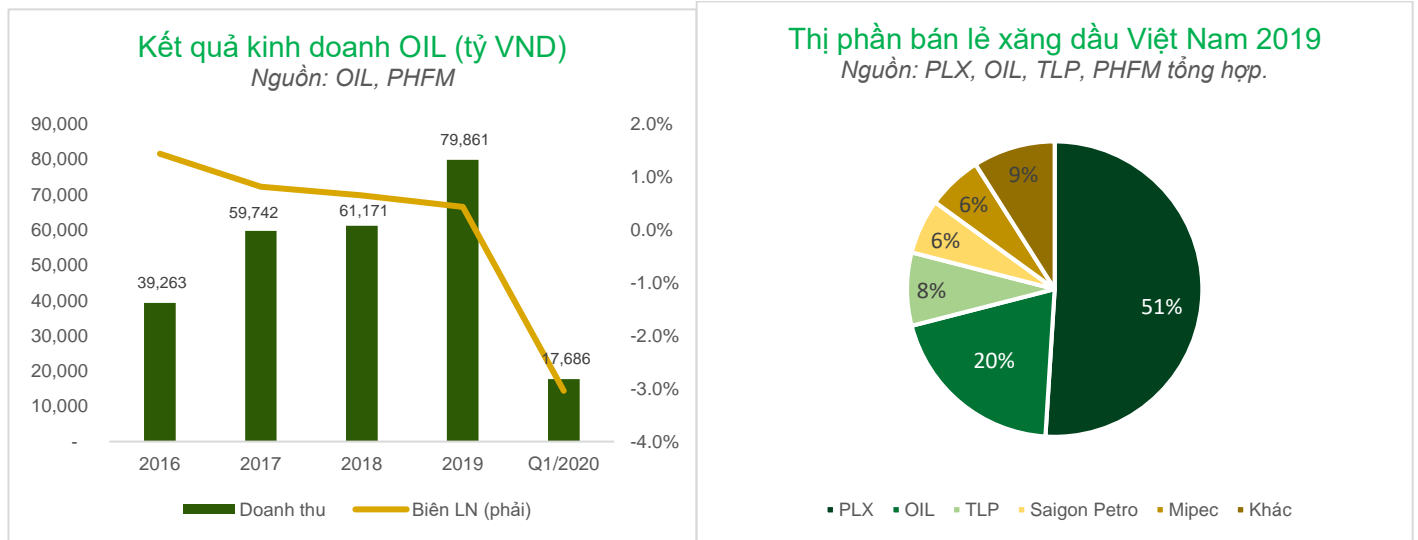
	2016	2017	2018	2019	2020F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	39,263	59,742	61,171	79,861	41,600
LNST (tỷ VND)	565	488	399	347	(23)
EPS (VND)	-	-	367	223	-
Giá trị sổ sách (VND)			9,790	9,984	9,887
P/E			13.8	8.7	
Cổ tức tiền mặt (%)			0%	0%	0%

(Nguồn: PHFM)

Tình hình kinh doanh OIL

Năm 2019, doanh thu OIL đạt 79,861 tỷ VND (+30.6% YoY), đạt 164% kế hoạch đề ra, tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng kinh doanh dầu thô quốc tế của OIL Singapore, đóng góp 33,800 tỷ VND vào tổng doanh thu của toàn hệ thống. Lợi nhuận sau thuế đạt 347 tỷ VND (-13% YoY) do giá dầu thô và xăng năm 2019 biến động với biên độ lớn ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của OIL. Bên cạnh đó, OIL còn ghi nhận khoản phát sinh phân bổ giá trị thương hiệu và khấu hao tài sản cố định tăng do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa làm chi phí tăng khoảng 100 tỷ đồng/năm.

Quý 1/2020, doanh thu OIL đạt 17,686 tỷ VND (+4.4% YoY), tuy nhiên, giá dầu giảm mạnh làm giá vốn hàng bán tăng, COGS chiếm 99.6% doanh thu dẫn đến LNST của OIL ở mức âm -538 tỷ VND. Giá dầu giảm từ 60 USD cuối năm 2019 xuống còn 20 USD cuối Q1/2020 khoản giảm giá hàng tồn kho của OIL đạt -434 tỷ VND tăng gấp 3.7 lần YoY.



Doanh thu của OIL hiện đến từ các mảng chính:

Mảng phân phối xăng dầu và sản xuất dầu nhờn.

Hiện Việt Nam có 37 doanh nghiệp đầu mỗi được xuất nhập khẩu xăng dầu (hiện nay, Việt Nam chưa chấp thuận đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực phân phối xăng dầu và nhà đầu tư nước ngoài chỉ được đầu tư vào nhà máy lọc dầu, sau đó phân phối sản phẩm do nhà máy sản xuất ra), với tổng lượng nhập khẩu xăng dầu các loại trong 3 tháng đầu năm 2020 khoảng 1.85 triệu tấn (-11.5% YoY). Bên cạnh đó, hai nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hiện sản lượng đáp ứng khoảng 70-80% nhu cầu tiêu thụ xăng dầu nội địa.

Thị phần OIL đứng thứ 2 trong thị phần phân phối xăng dầu ở Việt Nam, chiếm 20%, sau PLX với 3.2 triệu tấn xăng dầu cung cấp ra thị trường năm 2019.

OIL hiện có hệ thống phân phối xăng dầu tại 64 tỉnh thành trên cả nước với trên 3,500 cửa hàng xăng dầu (CHXD) với 570 CHXD trực thuộc (do OIL trực tiếp vận hành) và 3,000 CHXD đại lý/ nhượng quyền thương mại. OIL có 30 kho xăng dầu trên cả nước với tổng sức chứa 952 ngàn m³, kho xăng ở Lào với tổng sức chứa là 4,000 m³, 125 xe bồn, 7 xà lan, đáp ứng khoảng 50% nhu cầu vận chuyển của OIL và đại lý.

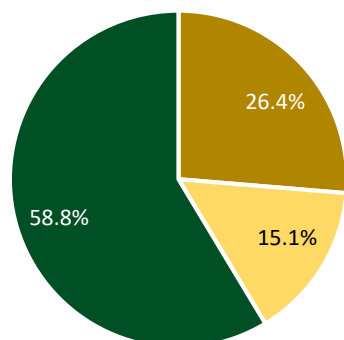
Oil có hệ thống phân phối bán buôn trực tiếp cho các nhà thầu dầu khí, các nhà máy điện thuộc PVN và các đơn vị sản xuất trong các ngành điện than, xi măng, sản xuất thép, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải với sản lượng tiêu thụ chiếm khoảng 18 - 20% tổng sản lượng của OIL. Bán buôn cho các thương nhân phân phối, tổng đại lý chiếm 73.9% tổng sản lượng của OIL. Bán lẻ trực tiếp tại hệ thống cửa hàng xăng dầu chiếm 26.4% tổng sản lượng.

Tại Lào, OIL có 2 công ty con là OIL Lào kinh doanh xuất khẩu xăng dầu là OIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh thành của Lào với hệ thống phân phối trên 120 CHXD. OIL Lào là công ty kinh doanh xăng dầu đứng thứ 2 thị trường Lào với khoảng 15% thị phần.

Tại Singapore, OIL có công ty con là OIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tại Campuchia, OIL có công ty con là OIL Campuchia, đang chuẩn bị xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

Tỷ trọng kênh phân phối của OIL năm 2019

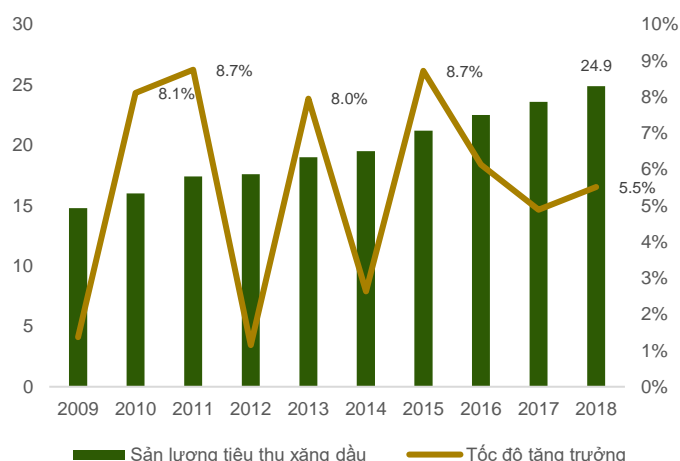
Nguồn: OIL, PHFM



■ Bán lẻ tại CHXD ■ Khách hàng công nghiệp ■ Bán buôn

Tốc độ tăng trưởng và sản lượng tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam

Nguồn: BP, PHFM



Hiện tỷ trọng bán vào kênh tiêu thụ trực tiếp của OIL chưa cao, còn phụ thuộc nhiều vào kênh bán buôn đại lý, độ bao phủ của hệ thống cửa hàng xăng dầu tại một số địa phương đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, TP. HCM còn mỏng; hệ thống kho phân bổ không đồng đều, dư thừa sức chứa cục bộ và bộ máy quản lý còn cồng kềnh, mô hình tổ chức còn bất cập.

Màng xuất nhập khẩu dầu thô.

Từ 2018, Việt Nam đã chuyển từ nước xuất khẩu sang nhập khẩu dầu thô với lượng dầu thô nhập khẩu là 5.1 triệu tấn. Năm 2019 lượng dầu thô nhập khẩu là 8.1 triệu tấn, tương ứng với giá trị nhập khẩu dầu thô là 3.7 tỷ USD. Lượng dầu thô nhập khẩu chủ yếu sử dụng cho 2 nhà máy lọc dầu là Bình Sơn và Nghi Sơn, ngoài ra, còn có các nhà máy condensate nhỏ các như: PVOIL Phú Mỹ, Saigon Petro, Nam Việt Oil, Đông Phương,...

Về xuất bán dầu thô, OIL hiện đang là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất bán dầu thô Việt Nam khai thác tại các mỏ ở trong nước và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ các công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại nước ngoài.

Năm 2019 OIL đã xuất bán dầu thô đạt 10.6 triệu tấn, giảm từ 11.6 triệu tấn năm 2018 và 13.4 triệu tấn năm 2017. Trong đó, lượng dầu thô xuất khẩu năm 2019 là 3.9 triệu tấn, tương ứng với giá trị là 1.96 tỷ USD.

Trong năm 2019, OIL là đại lý duy nhất cung cấp dầu thô cho BSR (BSR sử dụng khoảng 6.9 triệu tấn dầu thô mỗi năm, trong đó, khoảng 70% dầu thô là từ mỏ Bạch Hổ, 30% còn lại ủy quyền cho OIL làm đại lý nhập khẩu dầu thô). Tuy nhiên, từ năm 2020, Bình Sơn sẽ tự chủ trong hoạt động mua dầu thô, đứng tên trong hợp đồng ký trực tiếp với nhà cung cấp. PV Oil có thể vẫn tham gia hoạt động cung cấp dầu thô cho BSR với vai trò đại lý.

Dự báo 2020:

OIL đã đặt ra kế hoạch doanh thu năm 2020 là 52,200 tỷ VND (-34.6% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 376 tỷ VND (+8.9% YoY) ước tính dựa trên kịch bản giá dầu 60 USD/thùng với sản lượng xuất khẩu, bán dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất) đạt 8.89 triệu tấn (-20%YoY), sản xuất xăng dầu và dầu mỡ nhờn đạt 604,000 tấn (0% YoY), sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt 3 triệu tấn (-7.6% YoY).

Với dự phóng giá dầu đạt 30USD/thùng, chúng tôi ước tính giá bán xăng dầu đạt trung bình đạt 13,800 VND/lít, tổng doanh thu ước tính giảm 20% so với kế hoạch đạt 41,600 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế đạt -23 tỷ VND do mức giảm giá hàng tồn kho năm 2019 ước tính đạt -815 tỷ VND (do lượng hàng tồn kho đã nhập về cuối năm 2019 ở mức giá trung bình 60USD).

(Với ước tính Giá cơ sở = Giá CIF nhập khẩu + thuế nhập khẩu + thuế tiêu thụ đặc biệt + thuế GTGT + Chi phí kinh doanh định mức + Quỹ bình ổn giá + Lợi nhuận định mức + Thuế môi trường, đã điều chỉnh các yếu tố như biên độ điều chỉnh giá 15 ngày, quỹ bình ổn và thuế nhập khẩu, bắt buộc về tồn kho lưu thông 30 ngày, ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức).

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Phương pháp P/E:

Kịch bản giá dầu 30 USD/thùng

Trong trường hợp ảnh hưởng của dịch bệnh và giá dầu giảm chỉ tác động trong hai quý đầu năm 2020; sau đó nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của thị trường sẽ phục hồi trong hai quý còn lại, giá dầu đạt trung bình 30 USD/năm. Tổng sản lượng kinh doanh của OIL sẽ sụt giảm 20% so với mức kế hoạch. Dựa trên phương pháp EV/EBIT và P/B, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu OIL sẽ vào khoảng 7,870 VND/cổ phiếu, giảm 1.6% so với mức giá hiện tại. Từ đó đưa ra khuyến nghị GIỮ cho cổ phiếu này.

EV/EBITDA (trung bình ngành)	14.3	P/B (trung bình ngành)	1.1
EBITDA (tỷ VND)	362	Vốn chủ sở hữu	10,866
EV (tỷ VND)	5,180	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,088
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,088	Book value (VND)	9,984
Giá mục tiêu (VND)	4,759	Giá mục tiêu	10,982
Phương pháp EV/EBITDA	4,759		
Phương pháp P/B	10,982		
Giá mục tiêu (VND)	7,870		
Giá hiện tại (VND)	8,000		
Tăng/giảm	-1.6%		

(Nguồn: PHFM)

Kịch bản giá dầu 20 USD/thùng

Trong trường hợp khó khăn kéo dài đến hết quý III/2020, giá dầu phục hồi chậm và trung bình cả năm đạt mức 20 USD/thùng, tổng sản lượng kinh doanh của OIL dự kiến sụt giảm 30% so với dự kiến kế hoạch. Dựa trên phương pháp EV/EBIT và P/B, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu OIL sẽ vào khoảng 6,771 VND/cổ phiếu, giảm 15.4% so với mức giá hiện tại. Từ đó đưa ra khuyến nghị BÁN cho cổ phiếu này.

EV/EBITDA (trung bình ngành)	14.3	P/B (trung bình ngành)	1.1
EBITDA (tỷ VND)	253	Vốn chủ sở hữu	10,866
EV (tỷ VND)	3,620	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,088
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,088	Book value (VND)	9,984
Giá mục tiêu (VND)	3,326	Giá mục tiêu	10,982
Phương pháp EV/EBITDA	3,326		
Phương pháp P/B	10,982		
Giá mục tiêu (VND)	6,771		
Giá hiện tại (VND)	8,000		
Tăng/giảm	-15.4%		

(Nguồn: PHFM)

Kịch bản giá dầu 40 USD/thùng

Trong trường hợp giá dầu phục hồi nhanh và giá dầu trung bình cả năm đạt mức 40 USD/thùng, tổng sản lượng kinh doanh của OIL dự kiến sụt giảm 10% so với dự kiến kế hoạch. Dựa trên phương pháp EV/EBIT và P/B, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý của cổ phiếu OIL sẽ vào khoảng 8,826 VND/cổ phiếu, tăng 10.3% so với mức giá hiện tại. Từ đó đưa ra khuyến nghị MUA cho cổ phiếu này.

EV/EBITDA (trung bình ngành)	14.3	P/B (trung bình ngành)	1.1
EBITDA (tỷ VND)	471	Vốn chủ sở hữu	10,866
EV (tỷ VND)	6,740	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,088
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	1,088	Book value (VND)	9,984
Giá mục tiêu (VND)	6,192	Giá mục tiêu	10,982

Phương pháp EV/EBITDA	6,192
Phương pháp P/B	10,982
Giá mục tiêu (VND)	8,826
Giá hiện tại (VND)	8,000
Tăng/giảm	10.3%

(Nguồn: PHFM)

Rủi ro:

- Rủi ro biến động giá dầu: Biến động giá dầu trên thị trường sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Giá dầu giảm mạnh làm ảnh hưởng tiêu cực đến giá hàng tồn kho, làm giá xăng biến động mạnh, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của OIL.
- Hiện OIL đang có 265.4 tỷ VND tiền gửi đang gửi ở Ngân hàng TMCP Đại Dương. Các khoản tiền này được nhận lãi suất theo quy định, tuy nhiên, bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13/02/2015 về việc ngừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát.
- OIL ghi nhận khoản phải thu bao gồm khoản lỗ lũy kế đến ngày 18/05/2011 – là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169 tỷ VND, khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.
- Các lô đất OIL hiện đang sử dụng chưa được cấp/chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn, hoặc chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất với tổng giá trị là 32 tỷ VND.
- OIL hiện vẫn đang là đại lý nhập khẩu dầu thô cho BSR, tuy nhiên, từ năm 2020, BSR sẽ tự chủ trong hoạt động mua dầu thô, đứng tên trong hợp đồng ký trực tiếp với nhà cung cấp. Oil có thể sẽ chỉ phụ trách một phần lượng dầu thô nhập khẩu cho BSR trong thời gian tới.
- Rủi ro chính sách: Hiện là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất bán dầu thô Việt Nam khai thác tại các mỏ ở trong nước và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ các công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại nước ngoài, tuy nhiên, chính sách ủy thác xuất nhập khẩu dầu thô của PVN có thể thay đổi trong tương lai, làm OIL có thể có rủi ro khi hoạt động độc quyền trong lĩnh vực này.

Sơ lược công ty

Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (OIL) là đơn vị thành viên của tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thương mại dầu khí (Petechim), Công ty Chế biến và Kinh doanh phân phối sản phẩm dầu mỡ (PDC). OIL chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/08/2018.

Các lĩnh vực kinh doanh của OIL:

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô/condensate (gọi tắt là dầu thô) là lĩnh vực đặc thù tạo nên sự khác biệt của OIL: OIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất bán dầu thô Việt Nam khai thác tại các mỏ ở trong nước và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ các công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại nước ngoài; cung cấp dầu thô Việt Nam và nhập khẩu dầu thô cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.
- Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu: OIL vẫn khẳng định được vị trí thứ 2 trên thị trường xăng dầu với sản lượng 3,2 - 3,5 triệu m³, tấn/năm, chiếm khoảng 20% thị phần trong nước với 570 Cửa hàng xăng dầu trực thuộc.
- Sản xuất, chế biến xăng dầu, dầu mỡ nhờn: Hoạt động sản xuất, pha chế xăng dầu do PVOIL Phú Mỹ thực hiện. Nhà máy có công suất chế biến 130.000 tấn condensate/năm, đặt tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sản lượng xăng thành phẩm hiện ổn định ở mức trên 600 nghìn m³/năm, chiếm khoảng 20% tổng lượng xăng tiêu thụ qua hệ thống PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của OIL mang thương hiệu PVOIL LUBE - kế thừa từ giá trị thương hiệu VIDAMO với trên 25 năm sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) có công suất 20 nghìn tấn/năm với trên 140 loại dầu mỡ bôi trơn các loại từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao.

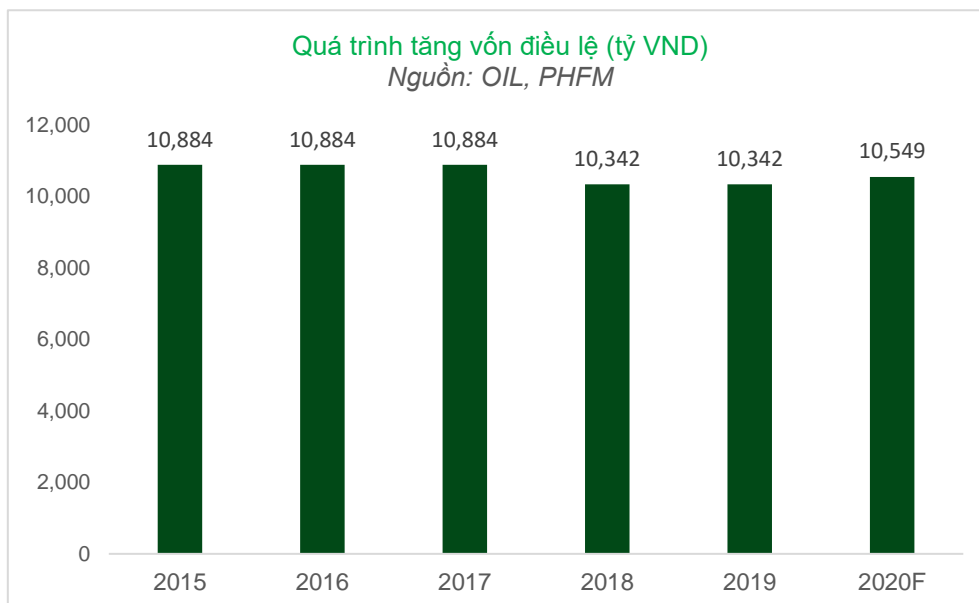
PV Oil hiện đang có 10 đơn vị trực thuộc, 30 đơn vị thành viên (26 đơn vị trong nước) và 4 đơn vị nước ngoài: Singapore, Lào, Campuchia) và 11 đơn vị liên kết.

Oil hiện đang có 10 đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ (PVOIL Đình Vũ), (Công ty cổ phần tại khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa (PV OIL Nghi Sơn), Công ty cổ phần tại Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, xí nghiệp tổng kho Xăng dầu Nhà Bè (PVOIL Nhà Bè), Xí nghiệp tổng kho xăng dầu miền Đông, công ty cổ phần tại Bà Rịa Vũng Tàu, Ban Quản lý dự án PVOIL, và văn phòng đại diện Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần tại Myanmar.

Các đơn vị liên kết của OIL: CÔNG ty CP Điều Phú Yên, CTCP Dịch vụ Thương mại Quảng Trị, CTCP Vật tư xăng dầu COMECO, CTCP Hóa Dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí (PVB), CTCP Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF), CTCP Dầu khí Dương Đông Kiên Giang, CT TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông (OBF), CTCP Thương mại Dầu khí (Petechim), CTCP Thương nghiệp Cà Mau (CMV), Công ty kho ngầm Xăng dầu khí Việt Nam (PVOS).



Quá trình tăng vốn điều lệ



Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Doanh thu thuần	50,910	39,263	59,742	61,171	79,861	41,600
Giá vốn hàng bán	(47,999)	(36,562)	(57,236)	(58,464)	(77,089)	(40,362)
Lợi nhuận gộp	2,912	2,701	2,506	2,707	2,772	1,238
Chi phí bán hàng	(1,445)	(1,452)	(1,521)	(1,566)	(1,690)	(881)
Chi phí QLDN	(702)	(726)	(641)	(711)	(808)	(421)
Lợi nhuận từ HĐKD	765	523	344	430	273	(63)
Lợi nhuận tài chính	210	296	316	297	372	194
Chi phí lãi vay	(102)	(157)	(124)	(141)	(196)	(205)
Lợi nhuận trước thuế	789	626	539	589	412	42
Lợi nhuận sau thuế	674	565	488	399	347	(23)
LNST của cổ đông Công ty mẹ	618	498	428	381	231	(151)
Cân đối kế toán	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Tài Sản Ngắn Hạn	14,108	15,090	20,273	18,005	20,106	20,696
Tiền và tương đương tiền	6,304	6,193	5,109	3,216	2,966	3,091
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19	417	2,109	4,215	5,377	5,485
Phải thu ngắn hạn	5,382	5,885	9,740	8,824	9,151	9,425
Hàng tồn kho	2,213	2,385	3,102	1,607	2,448	2,521
Tài sản ngắn hạn khác	190	210	214	144	164	174
Tài Sản Dài Hạn	6,337	6,211	6,062	6,659	6,375	7,065
Phải thu dài hạn	-12	-46	-42	26	13	-1
Tài sản cố định	4,022	3,956	3,941	4,506	4,305	4,950
Chi phí xây dựng dở dang	219	201	168	153	198	218
Đầu tư tài chính dài hạn	1,161	1,154	1,067	854	812	893
Tài sản dài hạn khác	833	834	818	999	930	1,004
Tổng cộng tài sản	20,445	21,303	26,335	24,665	26,481	27,761
Nợ phải trả	10,534	10,961	15,603	14,008	15,609	16,057
Nợ ngắn hạn	10,116	10,673	15,328	13,699	15,278	15,737
Nợ dài hạn	417	288	275	309	330	320
Vốn chủ sở hữu	9,912	10,341	10,733	10,656	10,866	11,705
Vốn điều lệ	10,884	10,884	10,884	10,342	10,342	10,549
Tổng nguồn vốn	20,445	21,302	26,335	24,664	26,475	27,761

Lưu chuyển tiền tệ	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	-86	333	1,073	-587	-1,385	-526
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	1,126	-317	-1,413	-1,962	-999	-1,199
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	31	-112	-740	664	2,159	1,849
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,071	(96)	(1,080)	(1,884)	(225)	125
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	5,249	6,304	6,193	5,109	3,216	2,966
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	6,304	6,193	5,109	3,216	2,966	3,091
Chỉ số tài chính (%)	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F
Tăng trưởng						
Doanh thu	-23.2%	-22.9%	52.2%	2.4%	30.6%	-47.9%
Lợi nhuận sau thuế	-149.1%	-16.2%	-13.6%	-18.2%	-13.1%	-106.6%
Tổng tài sản	-13.6%	4.2%	23.6%	-6.3%	7.4%	0.5%
Tổng vốn chủ sở hữu	6.2%	4.3%	3.8%	-0.7%	2.0%	-1.0%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	5.7%	6.9%	4.2%	4.4%	3.5%	3.0%
Tỷ suất EBIT	1.5%	1.3%	0.6%	0.7%	0.3%	-0.2%
Tỷ suất lãi ròng	1.3%	1.4%	0.8%	0.7%	0.4%	-0.1%
ROA	3.3%	2.7%	1.9%	1.6%	1.3%	-0.1%
ROE	6.8%	5.5%	4.6%	3.7%	3.2%	-0.2%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	44.06	61.56	63.61	56.79	45.06	50.93
Số ngày tồn kho	17.87	23.49	19.51	10.48	11.43	10.95
Số ngày phải trả	15.26	22.39	58.22	22.88	29.77	26.32
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.39	1.41	1.32	1.31	1.32	1.32
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.18	1.19	1.12	1.20	1.16	1.15
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.52	0.51	0.59	0.57	0.59	0.58
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.06	1.06	1.45	1.31	1.44	1.37
Vay ngắn hạn/VCSH	1.02	1.03	1.43	1.29	1.41	1.34
Vay dài hạn/VCSH	0.04	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03

(Nguồn: PHFM)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Như Lan, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801